TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/DS-ST
Ngày: 04 - 01 - 2021
V/v tranh chấp vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐD, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoài Phong.

Ông Đặng Hữu Thọ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là Thư ký Tòa án nhân dân huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 377/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 550/2020/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Ông Đinh Văn T, sinh năm 1977; Cư trú tại: Ấp MP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;

2. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1967; Cư trú tại: Ấp MP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau;

Người đại diện theo ủy quyền của ông T: Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1967; Cư trú tại: Ấp MP, xã TAK, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (văn bản ủy quyền không đề ngày tháng năm Tòa án nhận ngày 28/10/2020) (có mặt);

- *Bị đơn:*

1. Ông Đỗ Văn P1, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt);

2. Bà Dương Kim S, sinh năm 1962; cư trú tại: Ấp TĐ, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau (có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án bà Đỗ Thị C trình bày*:

Vào năm 1995, ông Đỗ Văn P1 và bà Dương Kim S đến hỏi mượn của vợ chồng bà nhiều lần với số vàng 43,5 chỉ vàng 24k, thời gian mượn đã lâu nên không nhớ rõ từng lần mượn, hai bên chỉ hợp đồng lời nói không lập văn bản vì bà và ông P1 là anh em ruột, mục đích ông P1, bà S mượn vàng để điều trị bệnh cho con. Bà C có đến yêu cầu trả vàng nhiều lần nhưng ông P và bà S không trả. Ngày 13/9/2020, chính quyền địa phương ấp TĐ, xã TD có tiến hành hòa giải nhưng không thành, tại buổi hòa giải ông Phụ và bà Sánh chie thừa nhận mượn của bà 23 chỉ vàng 24k, vì không có giấy tờ nên bà chấp nhận số vàng này.

Nay bà yêu cầu giải quyết buộc ông P1 và bà S trả lại cho vợ chồng bà 23 chỉ vàng 24k.

** Quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Văn P1 và bà Dương Kim S thống nhất trình bày:*

Ông, bà xác định bà C trình bày chưa đúng. Đối với số vàng 23 chỉ vàng 24k là vàng vợ chồng ông cho vợ chồng bà C thuê đất, diện tích đất 3.900m^2 tọa lạc tại ấp TK, xã TD của ông Dương Văn P2. Thời gian thuê là 13 năm, hai bên chỉ hợp đồng bằng lời nói không lập văn bản, thời điểm thuê không nhớ chỉ nhớ cách nay hơn 10 năm, vợ chồng bà C vào canh tác đất được khoảng một năm thì tự ý bỏ đi, thời điểm này ông bà có nói nếu tự ý bỏ đi thì vàng thuê đất không được lấy lại. Tại buổi hòa giải ngày 13/9/2020 của ấp TĐ, xã TD ông bà xác định có tham gia hòa giải, ông P1 có ký tên vào biên bản, tuy nhiên ông P1 không nghe đọc lại biên bản.

Tại phiên tòa:

- Ông P1 và bà S thừa nhận còn nợ của bà C số vàng 23 chỉ vàng 24k và đồng ý trả dần vì hoàn cảnh khó khăn. Đối với hợp đồng thuê đất giữa các bên ông P1, bà S không đặt ra yêu cầu giải quyết. Bà C không đồng ý và yêu cầu phương thức trả nợ như sau: Ngày 04/02/2021 trả trước 10 chỉ vàng 24k, sau đó mỗi tháng trả 01 chỉ vàng 24k đến khi nào thanh toán dứt nợ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự nên không có kiến nghị và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà C. Buộc ông P1 và bà S trả lại cho ông T, bà C 23 chỉ vàng 24k. Án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông T, bà C khởi kiện ông P1, bà S yêu cầu trả lại 23 chỉ vàng 24k. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự đây là tranh chấp hợp đồng dân sự cụ thể hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông T và bà C, thấy rằng: Ông T và bà C xác định việc cho vay vàng không lãi suất, hai bên chỉ hợp đồng lời nói không lập văn bản nhưng tại biên bản hòa giải ở ấp TĐ ngày 13/9/2020 và tại phiên tòa ông P1 và bà S thừa nhận có mượn vàng của ông T nên đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó ông P1 và bà S phải có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà C số vàng 23 chỉ vàng 24k là phù hợp quy định tại Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

Về lãi suất và các vấn đề khác các đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông P1, bà S phải chịu 5% trên tổng số vàng phải trả cho nguyên đơn (vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm là 5.540.000 đồng/chỉ).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T và bà Đỗ Thị C. Buộc ông Đỗ Văn P1 và bà Dương Kim S có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đinh Văn Th và bà Đỗ Thị C 23 chỉ vàng 24k (hai mươi ba chỉ vàng 24k).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Đỗ Văn P1 và bà Dương Kim S phải chịu là 6.371.000 đồng (sáu triệu ba trăm bảy mươi mốt nghìn đồng);

2.2. Ông Đinh Văn T và bà Đỗ Thị C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho ông T và bà C 3.036.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lại số 0011075 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện ĐD.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐD;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Trúc